



**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP HCM
VIỆN QUẢN LÝ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC
MÔN TRIẾT HỌC**



Đề tài:

**SỰ TƯƠNG ĐỒNG VÀ KHÁC BIỆT GIỮA
TRIẾT HỌC NHO GIA VÀ TRIẾT HỌC
ĐẠO GIA Ở TRUNG QUỐC THỜI CỔ ĐẠI**

GVPT: TS. Bùi Văn Mưa

Thực hiện: Đặng Lưu Bích Phương

Số thứ tự: 52

Nhóm: 6

Lớp cao học: Ngày 4 – K22

Thành phố Hồ Chí Minh, Tháng 02/2012

LỜI MỞ ĐẦU

Văn minh Trung Hoa là một trong những nền văn minh xuất hiện sớm nhất trên thế giới với hơn 4000 năm phát triển liên tục, với nhiều phát minh vĩ đại trong lịch sử trên nhiều lĩnh vực khoa học. Có thể nói, văn minh Trung Hoa là một trong những cái nôi của văn minh nhân loại. Bên cạnh những phát minh, phát kiến về khoa học, văn minh Trung Hoa còn là nơi sản sinh ra nhiều học thuyết triết học lớn có ảnh hưởng đến nền văn minh Châu Á cũng như toàn thế giới.

Trong số các học thuyết triết học lớn đó phải kể đến trường phái triết học Nho giáo và Đạo giáo. Hai trường phái Triết Học này đã có ảnh hưởng lớn đến thế giới quan của Triết học sau này, không những của người Trung Hoa mà cả những nước chịu ảnh hưởng của nền Triết học Trung Hoa, trong đó có Việt Nam. Chính vì thế, việc tìm hiểu “Nét tương đồng và khác biệt giữa Nho gia và Đạo gia” cùng những ảnh hưởng của nó đến xã hội Việt Nam là một việc cần thiết để lý giải những đặc trưng của Triết học Phương Đông, qua đó hiểu biết thêm về sự phát triển tư tưởng của Việt Nam.

➤ **Cơ sở phương pháp luận:** Đề tài được triển khai dựa trên nội dung của triết học Nho gia và Đạo gia.

➤ **Các phương pháp cụ thể:** Phương pháp lịch sử, Phương pháp phân tích tổng hợp,...

➤ **Bố cục đề tài gồm:** 4 chương

- *Chương 1: Lịch sử hình thành, nội dung, đặc điểm của Nho gia và Đạo gia*
- *Chương 2: Sự tương đồng và khác biệt giữa Nho gia và Đạo gia*
- *Chương 3: Ảnh hưởng của Nho gia và Đạo gia đến xã hội (hệ tư tưởng) Việt Nam*
- *Chương 4: Kết luận*

Do kiến thức và trình độ còn hạn chế, cũng như sự hạn hẹp về thông tin nên tiểu luận này không tránh khỏi sai sót. Kính mong sự được sự góp ý của thầy.

1.LỊCH SỬ HÌNH THÀNH, NỘI DUNG, ĐẶC ĐIỂM CỦA NHO GIA VÀ ĐẠO GIA

1.1. Khái quát về Nho Gia

1.1.1.Lịch sử hình thành

Nho gia được hình thành từ thời *Tây Chu*, đặc biệt với sự đóng góp của *Chu Công Đán*, còn gọi là *Chu Công*. Đến thời *Xuân Thu*, xã hội loạn lạc, *Khổng Tử (551-479 TCN)*- người nước *Lỗ (Sơn Đông)*- phát triển tư tưởng của *Chu Công*, hệ thống hóa và tích cực truyền bá các tư tưởng đó. Chính vì thế mà người đời sau coi ông là người sáng lập ra học thuyết *Nho giáo*.

Khi học thuyết *Khổng Tử* mới xuất hiện không trở thành tư tưởng chủ yếu ngay mà mãi đến thế kỷ thứ 2 trước công nguyên, *Trung Quốc* lúc đó đã là một nhà nước theo chế độ tập quyền trung ương lớn mạnh và thống nhất. Trải qua nhiều nỗ lực của giai cấp thống trị và các đại sĩ phu thời *Hán*, *Khổng Tử* và tư tưởng *Nho gia* của ông mới trở thành tư tưởng chính thống.

Khổng Tử đã san định, hiệu đính và giải thích bộ *Lục kinh* gồm có *Kinh Thi*, *Kinh Thư*, *Kinh Lễ*, *Kinh Dịch*, *Kinh Xuân Thu* và *Kinh Nhạc*. Về sau *Kinh Nhạc* bị thất lạc nên chỉ còn năm bộ kinh thường được gọi là *Ngũ kinh*. Sau khi *Khổng Tử* mất, học trò của ông tập hợp các lời dạy để soạn ra cuốn *Luận ngữ*. Học trò xuất sắc nhất của *Khổng Tử* là *Tăng Sâm*, còn gọi là *Tăng Tử*, dựa vào lời thầy mà soạn ra sách *Đại học*. Sau đó, cháu nội của *Khổng Tử* là *Khổng Cấp*, còn gọi là *Tử Tư* viết ra cuốn *Trung Dung*.

Đến thời *Chiến Quốc (480-221 TCN)*, do bất đồng về bản tính con người mà *Nho gia* bị chia thành 8 phái, trong đó phái của *Tuân Tử* và phái của *Mạnh Tử* là mạnh nhất. *Mạnh Tử (372 - 298 TCN)* đã có nhiều đóng góp đáng kể cho sự phát triển của *Nho gia* nguyên thủy. Ông đưa ra các tư tưởng mà sau này học trò của ông chép thành sách *Mạnh Tử*. Ông đã khép lại một giai đoạn hình thành *Nho gia*. Vì vậy, *Nho gia Khổng- Mạnh* còn được gọi là *Nho gia nguyên thủy* hay *Nho gia tiên Tần*.

1.1.2.Nội dung

Nho gia của *Khổng Tử* quan niệm rằng: Để tổ chức xã hội, điều cốt lõi là đào tạo cho được những người cai trị kiểu mẫu – người *Quân tử* (quân = cai trị; quân tử = người cai trị). Để trở thành người *quân tử*, trước hết là phải *Tu thân*. Có ba tiêu chuẩn chính:

- Đạt “**đạo**”. Đạo là con đường, là những mối quan hệ mà con người phải biết cách ứng xử trong cuộc sống. Có 5 đạo: vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bè bạn (quân thần, phụ tử, phu phụ, huynh đệ, bằng hữu). Năm đạo đó gọi là ngũ luân (luân = thứ bậc, cư xử). Trong xã hội, cách ứng xử hợp lý hơn cả là trung dung (dung hòa ở giữa).

- Đạt “**đức**”. Người quân tử, theo Khổng Tử, nếu có ba điều *nhân – trí – dũng* thì gọi là đạt đức. Về sau, Mạnh Tử bỏ “*dũng*” mà thay bằng “*lễ, nghĩa*” thành 4 đức: nhân, lễ, nghĩa, trí. Đến đời Hán thêm *tín* hành 5 đức gọi là ngũ thường.

Ngoài các tiêu chuẩn về “đạo” và “đức”, người quân tử còn phải biết thi-thư-lễ-nhạc. Khổng Tử nói rằng con người “hưng khởi trong lòng là nhờ học Thi, lập thân được là nhờ biết Lễ, thành công được là nhờ có Nhạc” (Luận ngữ). Nói cách khác, ông đòi hỏi người cai trị không thể là dân võ biền, mà phải có một vốn văn hóa toàn diện.

Tu thân rồi, bốn phận của người quân tử là Hành Động phải tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Kim chỉ nam cho mọi hành động trong công việc cai trị là hai phương châm:

- Phương châm thứ nhất là **Nhân trị**. Nhân là tình người; nhân trị là cai trị bằng tình người, coi người như bản thân mình.

- Phương châm thứ hai là **Chính danh**, tức là sự vật phải ứng với tên gọi, mỗi người phải làm đúng với chức phận của mình. Chính danh trong cai trị là phải làm sao để “vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con” (Luận ngữ). “Nếu danh không chính thì lời nói không thuận. Lời nói không thuận tất việc chẳng thành” (Luận ngữ).

Đó chính là những nét chủ yếu nhất trình bày trong các kinh sách của học thuyết Nho giáo. Gọn hơn nữa nó đã được những người sáng lập tóm gọn trong 9 chữ: *Tu nhân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*. Và 9 chữ ấy cũng nằm trong 2 chữ cai trị mà thôi.

1.2. Khái quát về Đạo Gia

1.2.1.*Lịch sử hình thành*

Đạo gia là một trường phái triết học Trung Quốc, lấy tên của phạm trù *Đạo*, một phạm trù trung tâm và nền tảng của nó, được hình thành qua một quá trình dài, thu nhập nhiều trào lưu thượng cổ khác.

Đạo gia ra đời và phát triển rực rỡ từ cuối thời Xuân Thu đến cuối thời Chiến Quốc. Nguồn gốc tư tưởng của Đạo gia xuất phát từ những quan điểm về vũ trụ luận, thiên địa, ngũ hành, âm dương, Kinh Dịch...

Nguồn gốc lịch sử được xác nhận của Đạo gia có thể ở thế kỉ thứ 4 trước công nguyên khi tác phẩm *Đạo đức kinh* của Lão Tử xuất hiện. Theo truyền thuyết, *Lão Tử* (khoảng 580- 500 TCN)- người nước Sở là người sáng lập ra Đạo gia.

Học thuyết Đạo gia của ông được ông trình bày trong cuốn *Đạo đức kinh*. Sách *Đạo đức kinh* chỉ có khoảng 5 nghìn chữ, được phân ra Thiên thượng 37 chương và Thiên hạ 44 chương, tất cả gồm 81 chương. Phần thứ nhất nói về Đạo, phần hai nói về Đức.

Ngoài Lão Tử là người sáng lập, thì Đạo gia còn có hai yếu nhân khác được thừa nhận và tôn vinh muôn đời, đó là Dương Chu và Trang Tử. Trong đó vị trí của Trang Tử được sánh ngang với Lão Tử, nên còn gọi là Đạo Lão – Trang.

Dương Chu (khoảng 440 – 360 TCN) là một đạo sĩ ẩn danh và bí hiểm. Theo luận giải, ông phải sinh trước Mạnh Tử (372 - 298 TCN) và sau Mặc Tử (478 - 392 TCN). Tư tưởng của ông được diễn đạt lại thông qua các tác phẩm của cả những người ủng hộ lẫn những người chống đối ông. Chủ thuyết của ông là quý sự sống, trọng bản thân.

Mãi đến *Trang Tử* (khoảng 369 – 286 TCN), học thuyết của Lão Tử mới lại được người đời chú ý. Trang Tử là tác giả bộ *Nam Hoa kinh*, là một trong hai bộ kinh điển của Đạo gia. Bộ sách gồm ba phần, chứa 33 thiên. Trong đó, có nhiều điểm lấy từ *Đạo Đức kinh* làm chủ đề.

Trong lĩnh vực nhận thức, phát triển tư tưởng biện chứng của Lão Tử, Trang Tử đã tuyệt đối hóa sự vận động, xóa nhòa mọi ranh giới giữa con người với thiên nhiên, giữa phải và trái, giữa tồn tại và hư vô, đẩy phép biện chứng tới mức cực đoan thành một thứ tương đối luận.

Trong cảnh loạn li cuối thời Đông Hán (thế kỷ II TCN), tư tưởng của Lão Tử cộng với chất duy tâm mà Trang Tử đưa vào đã trở thành cơ sở cho việc thần bí hóa đạo gia thành *Đạo giáo*. Chủ trương vô vi cùng với thái độ phản ứng của Lão – Trang đối với chính sách áp bức bóc lột của tầng lớp thống trị khiến cho Đạo giáo rất thích hợp để dùng vũ khí tinh thần tập hợp nông dân khởi nghĩa.

Nếu lấy cuộc Cách Mạng Tam Dân Tân Hợi 1911 làm mốc điểm thì Đạo giáo đã trải qua năm giai đoạn, đó là: *Khởi nguyên Đạo giáo* (Từ thời cổ đại đến đời Đông Hán ,Triều đại Hán Thuận Đế, 125-144 TCN), *Đạo giáo sơ kỳ* (Từ đời Hán Thuận Đế đến cuối đời Đông Hán (144-220 TCN), *Phát triển và chuyển hóa Đạo giáo* (Từ đầu đời Tam Quốc đến cuối đời Ngũ Đại (220-960), *Phân nhánh Đạo giáo thành các tông phái* (Từ đầu đời Tống đến cuối đời Nguyên (960-1368), *Đạo giáo thăng trầm trong đời Minh và Thanh* (1368-1911).

1.2.2.Lý luận về đạo và đức trong “Đạo đức kinh”

Ý nghĩa chữ Đạo giữ một vai trò trọng tâm trong toàn bộ hệ thống triết học Đạo gia. Đức Lão Tử cho rằng Đạo là bản nguyên của vũ trụ. Ngài dạy: “Đạo sanh nhất, nhất sanh nhị, nhị sanh tam, tam sanh vạn vật. Vạn vật phụ âm nhi bão dương, xung khí dĩ vi hòa.” (Chương 42, Đạo đức kinh). Đạo là Vô cực, sinh một chỉ vào cái thể duy nhất của Đạo là Thái cực, sinh hai chỉ về Âm dương tức hai nguyên lý mâu thuẫn cùng có trong mỗi vật, và giữa sự xô sát xung đột của hai nguyên lý ấy có cái gì đó làm cho nó dung hòa, Âm dương tương hợp sinh ra vạn vật muôn loài.

Đức là một phạm trù triết học dùng để thể hiện sức mạnh tiềm ẩn của Đạo, là cái hình thức nhờ đó vạn vật được định hình và phân biệt được với nhau, là cái lý sâu sắc để nhận biết vạn vật. Chương 51, ngài Viết: “Đạo sinh ra vạn vật, đức bao bọc, bồi dưỡng, nuôi lớn tới thành thực, che chở vạn vật“. Đạo sinh ra vạn vật, thì Đức bao bọc dưỡng nuôi vạn vật. Đức là biểu hiện của Đạo nơi sự vật, là hình của Đạo. Vậy, Đạo là cái mà nhờ đó mà mọi vật được sinh ra và Đức là cái mọi vật được định hình và đặt tên để trở thành nó mà phân biệt với cái khác.

Tóm lại, Đạo không chỉ là nguồn gốc, bản chất mà còn là quy luật của mọi cái đã, đang và sẽ tồn tại trong thế giới. Điều này cho phép hiểu Đạo như nguyên lý thống nhất – vận hành của vạn vật – nguyên lý Đạo pháp tự nhiên (Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp đạo, đạo pháp tự nhiên). Đạo vừa mang tính khách quan (vô vi) vừa mang tính phổ biến; vì vậy, trong thế giới, không đâu không có Đạo, không ai không theo Đạo...

Như vậy, quan niệm về Đạo của trường phái Đạo gia đã thể hiện một trình độ khái quát cao của tư duy về những vấn đề bản nguyên thế giới được xem xét trong tính chỉnh thể thống nhất của nó.

2.SỰ TƯƠNG ĐỒNG VÀ KHÁC BIỆT GIỮA NHO GIA VÀ ĐẠO GIA

2.1. Sự tương đồng và khác biệt giữa Nho Gia và Đạo Gia về con người.

Nho gia và Đạo gia đều tập trung chủ yếu vào xã hội và con người, coi trọng hành vi cá nhân, hướng tới sự thống nhất, hài hòa giữa con người và xã hội. Coi con người là chủ thể của đối tượng nghiên cứu: hướng vào nội tâm - luôn cố gắng tìm tòi về bản thân con người và mối quan hệ giữa con người và xã hội xung quanh và ít quan tâm đến khoa học tự nhiên. Đây chính là nguyên nhân dẫn đến sự kém phát triển về nhận thức luận, là nguyên nhân sâu xa của sự kém phát triển kinh tế, khoa học so với văn minh Phương Tây (hướng ngoại).

Quan điểm con người của Nho giáo theo tư tưởng “Nhập thế”, tức con người sống và làm theo chuẩn mực cho mọi sinh hoạt chính trị và an sinh xã hội (tam cương, ngũ thường, tam tông, tứ đức...).

Bên cạnh đó, thuyết “**Hữu vi**” của Nho giáo cho rằng con người sống và hành động không theo tự nhiên, là đem áp đặt ý chí của mình vào sự vật

Ngoài ra quan niệm "Nhân nghĩa" là quan niệm trọng tâm của Nho giáo nguyên thủy. “Nhân nghĩa”, theo cách hiểu thông thường thì "nhân là lòng thương người", "nghĩa" là dạ thủy chung; bất nhân là ác, bất nghĩa là bạc; mọi đức khác của con người đều từ nhân nghĩa mà ra cũng như muôn vật muôn loài trên trời, dưới đất đều do âm dương và nhu cương mà ra.

Trong kinh điển Nho gia, ta thấy năm quan hệ lớn, bao quát gọi là "ngũ luân" đã được khái quát là: Vua - tôi, cha - con, chồng - vợ, anh - em (hoặc trưởng ấu), bầu bạn. Khi nói đến những đức thường xuyên phải trau dồi, căn cứ hai chữ "ngũ thường" trong Kinh Lễ, nhiều danh nho đã nêu lên năm đức (gọi là ngũ thường): Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

Theo Khổng Tử thì để tổ chức xã hội có hiệu quả, điều quan trọng nhất là phải đào tạo cho được người cai trị kiểu mẫu - người lý tưởng này gọi là quân tử. (quân = kẻ làm vua, quân tử = chỉ tầng lớp trên trong xã hội, phân biệt với "tiểu nhân", những người thấp kém về địa vị xã hội). Điều này có thể được lí giải bởi đối tượng mà Nho giáo hướng đến trước tiên là những người cầm quyền). Để trở thành người quân tử, con người ta trước hết phải "tự đào tạo", phải "tu thân". Sau khi tu thân xong, người quân tử phải có bốn phận phải "hành đạo".

Đối lập tư tưởng “Hữu vi” của Khổng tử (Hữu vi là sống và hành động không theo tự nhiên, là đem áp đặt ý chí của mình vào sự vật) là tư tưởng “Vô vi” của Đạo gia. Lão Tử phản đối chủ trương hữu vi.

Khi xuất phát từ nguyên lý Đạo pháp tự nhiên và mở rộng quan niệm về đạo vào lĩnh vực đời sống xã hội, Lão Tử xây dựng thuyết “Vô vi” để trình bày quan điểm của mình về các vấn đề nhân sinh và chính trị- xã hội.

“**Vô vi**” là sống và hành động theo lẽ tự nhiên, thuần phác, không giả tạo, không gò ép trái với bản tính của mình và ngược với bản tính của tự nhiên; là từ bỏ tính tham lam, vị kỷ để không làm mất đức. chỉ khi nào từ bỏ tư lợi thì mới nhận thấy đạo; và chỉ khi nhận thấy đạo mới có thể vô vi được.

Trái với tư tưởng “**Nhập thế**” của Nho giáo, Đạo giáo với tư tưởng “**Xuất thế**” cho rằng con người cần phải “thuận theo tự nhiên”, không được làm trái quy luật tự nhiên, không được cải tạo tự nhiên theo những toan tính lợi ích tầm thường của mình, không được gò ép trái với bản tính của mình và ngược lại với bản tính của tự nhiên, chỉ làm cho dân no bụng, xương cốt mạnh mà lòng hư tĩnh, khiến cho dân không biết, không muốn.

Bên cạnh đó, với việc chỉ ra luật quân bình (bù trừ) và luật phản phục, Đạo gia đòi hỏi con người cần tránh mọi cực đoan, thái quá, nóng vội, chủ quan duy ý chí... Mà phải luôn luôn tạo dựng sự cân bằng, hợp lý, tự nhiên; khách quan nhưng không ỷ lại, thụ động trước các điều kiện khách quan.

Đạo gia còn dạy con người phải biết sống khiêm tốn, giản dị, mà vẫn ung dung, tự tại, không lo sợ, không đau buồn... trước mọi biến động xảy ra trong đời; không tham lam, vụ lợi, giả dối; không đấu tranh, giành giật; không đua đòi, bon chen, đổ kỵ... Mà cần phải sống hòa nhã, trung dung, ngay thẳng, tự nhiên thuần phác, “thản nhiên mà đến, thản nhiên mà đi”...

Đạo gia chủ trương con người không nên tăng cường các hoạt động sáng tạo, không cần mở mang trí tuệ, cải tạo tự nhiên và cải tạo xã hội, mà quay về sống như thời nguyên thủy, đúng với bản tính tự nhiên thuần phác của một loài động vật bậc cao được sinh ra từ “đạo”... phủ nhận mọi hoạt động thực tiễn của con người.

2.2. Sự tương đồng và khác biệt giữa Nho Gia và Đạo Gia về xã hội

Quan điểm xã hội của Đạo gia và Nho gia có một nét tương đồng nhỏ về phong cách sống, đó là Đạo gia khuyên con người sống không giả tạo, từ bỏ tính tham lam, vị kỷ để không làm mất đức. Trong khi đó Nho gia cũng khuyên con người sống phải chừng mực, điều gì mà mình không muốn cũng đừng nên áp dụng cho người khác. Các học thuyết đưa ra cũng đều nhằm hướng đến tập trung giải quyết những vấn đề thực tiễn xã hội thời đại đặt ra, giải quyết những mâu thuẫn do xã hội đưa ra và đưa con người đến một lối giải thoát theo các cách khác nhau.

Nho gia:

Quan niệm về chính danh: xây dựng xã hội chính danh để mỗi người mỗi đẳng cấp xác định rõ danh phận của mình mà thực hiện. Chính danh là mỗi sự vật phải được gọi đúng tên của nó, mỗi người phải làm đúng chức phận của mình. "*Danh không chính thì lời không thuận, lời không thuận tất việc không thành*" (sách Luận ngữ). Khổng tử nói với vua Tề Cảnh Công: "*Quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử - Vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con*" (sách Luận ngữ).

Nho gia cho rằng on người cần thực hiện chuẩn mực “Trung, Hiếu, Nghĩa, Trí, Dũng”

Có khuynh hướng về đạo nhập thế, dạy ta biết cách xử lý tiếp vật khiến cho ta ăn ở phải đạo làm người.

Những người Nho học thì chuyên về mặt thực tế, ít chú trọng về mặt lý tưởng.

Đạo gia:

Xây dựng xã hội bình đẳng, không phân biệt người với ta, không làm thiệt hại ai và sống không được vị kỷ, vì lợi ích riêng của bản thân mình.

Con người cần có 3 đức: “Tù, Kiệm, Khiêm”.

Đạo giáo có khuynh hướng về đạo xuất thế, lấy đạo làm chủ thể cả vũ trụ dạy ta nên lấy thanh tĩnh vô vi nơi yên lặng.

Những người tu theo Đạo giáo, chỉ biết xuất thế lo tu độc thiện kỳ thân.

2.3. Sự tương đồng và khác biệt giữa Nho Gia và Đạo Gia về chính trị

Một điểm tương đồng trong quan điểm chính trị của Nho gia và Đạo gia là cho rằng quốc gia lý tưởng là quốc gia được một Thánh nhân cai trị.

Nho gia:

Theo quan điểm “**Nước lớn**” của Nho gia thì Người quân tử phải hành đạo, tức là phải làm quan, làm chính trị. Nội dung của công việc này được công thức hóa thành "tề gia, trị quốc, thiên hạ bình ". Tức là phải hoàn thành những việc nhỏ - gia đình, cho đến lớn - trị quốc, và đạt đến mức cuối cùng là bình thiên hạ (thống nhất thiên hạ). Tuy nhiên những kế sách chính trị của ông chỉ dừng lại ở tính chất cải lương và duy tâm chứ không phải phải bằng cách mạng hiện thực.

Bên cạnh đó, thuyết “**Hữu vi**” trong quan điểm trị nước của Nho gia là đem áp đặt ý chí của mình vào sự vật. Theo Nho gia thì trị quốc áp đặt theo “đức trị” hay “nhân trị”.

“*Đức trị*”: Coi trọng giáo dục, phản đối bạo lực và chiến tranh. Khổng Tử coi XH là tổng hợp các mối quan hệ giữa người với người, đó là Ngũ luân và Tam cương. Quan điểm này được thể hiện qua các phạm trù cơ bản trong học thuyết của Khổng Tử là Nhân-Nghĩa-Lễ-Chính danh.

“*Nhân trị*”: Giai cấp thống trị phải thương yêu, tôn trọng, chăm lo cho nhân dân. Đường lối “nhân trị” của Khổng Tử có tính chất điều hòa mâu thuẫn giai cấp, phản đối đấu tranh. Ông khuyên giai cấp thống trị phải thương yêu, tôn trọng, chăm lo cho nhân dân. Đồng thời, ông cũng khuyên dân phải an phận, lấy nghèo làm vui, nghèo mà không oán trách.

Tuy nhiên những kế sách chính trị của ông chỉ dừng lại ở tính chất cải lương và duy tâm chứ không phải phải bằng cách mạng hiện thực.

Đạo gia:

Mẫu hình xã hội lý tưởng của Đạo gia là “**Nước nhỏ, dân ít**”. Lão tử cho rằng “Dù khí cụ gấp trăm gấp chục sức người cũng không dùng đến. Ai nấy đều coi sự chết là hệ trọng nên không đi đâu xa. Có xe thuyền mà không ai ngồi. Có gươm giáo mà không bao giờ dùng. Bỏ văn tự, bắt người ta trở lại dùng lối thắt dây ghi dấu thời thượng cổ. Ai nấy đều chăm chú vào việc ăn no, mặc ấm, ở yên, vui với phong tục của mình. Ở nước này có thể nghe thấy gà gáy chó sủa của nước kia, nhân dân trong những nước ấy đến già chết mà vẫn không qua lại lẫn nhau” (Đạo đức kinh, chương 80). Xã hội được cai trị bằng cách không cai trị, không cai trị mà coi như